1. **Đặc điểm hoạt động**
	1. ***Khái quát chung***

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

* 1. ***Lĩnh vực kinh doanh chính:*** Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...; Giáo dục mầm non.
	2. ***Ngành nghề kinh doanh chính***
* Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
* Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
* Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
* In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
* Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
* Đại lý du lịch;
* Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
* Bán buôn đồ uống;
* Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
* Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
* Giáo dục mầm non;
* Giáo dục tiểu học;
* Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.
	1. ***Cấu trúc Công ty***

Công ty bao gồm Công ty mẹ và hai công ty con. Các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Ngày 10/07/2015, Công ty TNHH MTV Thương mại HBE (công ty con) đã giải thể theo thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

**Công ty con được hợp nhất:**

***Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE***

* Trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
* Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả gia khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).
* Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.
1. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày theo qui định của Thông tư số 202/2014/TT–BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

1. **Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**
	1. ***Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng***

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 35) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định của Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu hồi tố đối với các thay đổi này.

* 1. ***Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất***

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

* 1. ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

* 1. ***Các khoản đầu tư tài chính***

***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Các khoản nợ phải thu***

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác

* Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
* Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Tài sản cố định hữu hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |
| Phương tiện vận tải |  10 |

* 1. ***Tài sản cố định vô hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

* Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
* Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

* Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
* Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
* Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
	1. ***Các khoản nợ phải trả***

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

* Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
* Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

* 1. ***Vay và nợ phải trả thuê tài chính***

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

*Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

* 1. ***Vốn chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

* 1. ***Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác***
* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
* Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
* Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
* Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
* Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.
	1. ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

* Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
* Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.
	1. ***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

* 1. ***Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

* 1. ***Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp

* 1. ***Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

* 1. ***Công cụ tài chính***

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

* 1. ***Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng***
* Thuế giá trị gia tăng:
* Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa, giáo dục mầm non: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
* Đối với hoạt động bán sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
* Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác…: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen (thuộc Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 – 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 – 2017). Các ưu đãi trên được qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

* Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.
	1. ***Các bên liên quan***

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

 *Đơn vị tính: VND*

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   |  **31/3/2016** |  **01/01/2016** |
|   |  **VND**  |  **VND**  |
|   |   |   |
|  Tiền mặt  | 491.309.524 | 204.944.724 |
|  Tiền gửi ngân hàng  | 1.089.011.581 | 771.671.729 |
|  TiÒn göi Ng©n hµng kú h¹n 01 th¸ng | 4.561.943.355 | 4.515.844.445 |
|  **Cộng** | **6.142.264.460** | **5.492.460.898** |

1. **Phải thu ngắn hạn của khách hàng 31/03/2016 01/01/2016**

Phßng gi¸o dôc Léc Hµ 152.442.240 476.442.240

 T©m Th«ng – Kú Anh 551.044.763 551.044.763

 C¸c ®èi t­îng kh¸c 998.019.159 1.958.696.324

 **Cộng: 1.701.506.162 2.986.183.327**

1. **Phải thu về cho vay 31/3/2016 01/01/2016**
	1. **Ngắn hạn**

Cho CBNV vay mua cổ phiếu ( Gốc+lãi) 1.046.611.006 1.046.611.006

 **Cộng: 1.046.611.006 1.046.611.006**

(\*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Do đó, toàn bộ khoản nợ phải thu này đã được trích lập dự phòng.

* 1. **Dài hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Cho nhân viên vay \* 272.638.420 361.433.500

 **Cộng: 272.638.420 361.433.500**

 (\*) Cho cán bộ công nhân viên vay theo các nội dung sau:

* Cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Công ty và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Công ty. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Công ty và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Công ty. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty và cán bộ công nhân viên đã ký lại hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.
1. **Phải thu ngắn hạn kháckhác 31/3/2016 01/01/2016**

Công ty TNHH CN HBE 56.388.446 63.644.371

Phải thu khác 190.159.129 118.909.895

Tạm ứng 188.885.800 137.754.163

 **Cộng: 435.433.375 320.308.429**

1. **Dự phòng phải thu khó đòi**
	1. **Ngắn hạn 31/3/2016 01/01/2016**

 Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn

- Trên 3 năm 1.978.534.597 1.992.054.597

- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm 0

* 1. **Nợ xấu 31/3/2016**

***Phải thu của khách hàng Ghi chú***

- Anh Sơn - Kỳ Trinh- Kỳ Anh 69.366.008 Mất khả năng thanh toán

- Tâm Thông - Kỳ Anh 551.044.763 Mất khả năng thanh toán

- Các đối tượng khác 241.637.756 Mất khả năng thanh toán

***Phải thu về cho vay***

- Phải thu cá nhân vay mua cp( gốc+ lãi) 1.046.611.006 CBNV đã nghỉ việc

***Phải thu khác***

- Công ty TNHH Công nghiệp HBE 56.388.445 Mất khả năng thanh toán

- Các đối tượng khác 13.486.619

****

1. **Hàng tồn kho 31/3/2016 01/01/2016**

 **Giá gốc dự phòng Giá gốc dự phòng**

Nguyên liệu, vật liệu 19.469.243 - 15.666.223 -

Hàng hóa 2.175.786.918 -100.495.736 1.969.097.433 -100.495.736

 **Cộng: 2.195.256.161 -100.495.736 1.984.763.656 -100.495.736**

* Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/3/2016.
1. **Chi phí trả trước**
	1. **Ngắn hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Chi phí sữa chữa tài sản 3.780.002

Chí phí bảo trì phần mềm 7.500.000 11.000.000

Chi phí khác chừo phân bổ 4.817.000

 **Cộng: 7.500.000 19.597.002**

* 1. **Dài hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ 510.480.060 571.981.909

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng 180.885.653 181.990.861

Chi phí sũa chữa chờ phân bổ 149.619.398 192.983.480

 **Cộng: 840.985.112 946.956.250**

 (\*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m2 đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

1. **Tài sản cố định hữu hình**

 **Nhà cửa, p tiện vận tải thiết bị, dụng Cộng**

 **vậ kiến trúc truyền dẫn cụ qlý**

**Nguyên giá**

Số đầu kỳ 19.659.127.528 2.145.835.000 66.818.182 21.871.780.710

Mua sắm trong kỳ - - - -

Giảm trong kỳ - - - -

**Số cuối kỳ 19.659.127.528 2.145.835.000 66.818.182 21.871.780.710**

**Khấu hao**

**Số đầu kỳ 4.011.400.435 1.275.029.725 20.169.193 5.306.599.353**

Khấu hao trong kỳ 225.118.275 79.477.637 4.401.515 308.997.427

Giảm trong kỳ - - - -

**Số cuối kỳ 4.236.518.710 1.354.507.362 24.570.708 5.615.596.780**

**Giá trị còn lại**

Số đầu kỳ 15.647.727.093 870.805.275 46.648.989 16.565.181.357

**Số cuối kỳ 15.422.608.818 791.327.638 42.247.474 16.256.183.930**

* Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/3/2016.
* Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2016 là 241.120.000 đồng.
* Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.
1. **Tài sản cố định vô hình**

****

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m2 tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

* Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/3/2016.
* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2016 là 32.000.000 đồng.
1. **Phải trả người bán**
	1. **Ngắn hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Công ty TNHH X và TM Tiến Long 84.677.150 84.677.150

Công ty CP Đầu tư và PT Giáo dục Hà nội 204.730.225 475.784.790

Công ty CP Đầu tư PT Trường PTCN GD 79.533.282 176.575.192

Công ty CP Sách và Văn hóa Quảng lợi 14.622.850 196.031.550

Các đối tượng khác 1.338.405.174 1.363.676.822

 **Cộng: 1.721.968.681 2.296.745.474**

* 1. **Phải trả người bán là các bên liên quan Mối quan hệ 31/3/2016 01/01/2016**

Công ty CP Đầu tư và PT Giáo dục Hà nội Chung cty đầu tư 204.730.225 475.784.790

Công ty CP Đầu tư PT Trường PTCN GD Chung Cty đầu tư 79.533.282 176.575.192

Công ty CP Sách và TBG D Miền bắc Chung cty đầu tư 43.316.140 -

Các đối tượng khác 28.701.410 4.761.510

 **Cộng : 356.281.057 657.121.492**

1. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**
	1. **Phải nộp Số đầu kỳ Số phải nộp Số thực nộp Số cuối kỳ**

 **Trong kỳ trong kỳ**

Thuế GTGT phải nộp 26.108.079 50.672.073 62.362.949 14.417.203

Thuế TN DN 68.234.757 8.473.983 41.392.982 35.315.758

Thuế TNCN 274.910 274.910

Thuế nhà đất, tiền thuê đất 0 - - -

Các loại thuế khác - 3.000.000 3.000.000 -

 **Cộng : 94.617.746 62.146.056 106.755.931 50.007.871**

* 1. **Phải thu**

****

1. **Phải trả khác**
	1. **Ngắn hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Tài sản thưà chờ giải quyết 14.099.608 3.531.451

Kinh phí công đoàn 90.628.046 83.027.958

Bảo hiểm XH,YT, TN 48.543.620 19.907.375

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn 170.000.000 170.0000.000

Phải trả khác 275.548.273 206.721.635

 **Cộng: 598.819.547 483.188.419**

* 1. **Dài hạn 31/3/2016 01/01/2016**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn 55.000.000 55.000.000

1. **Vay và nợ thuê tài chính Đầu kỳ Tăng trong kỳ Giảm trong kỳ Cuối kỳ**

**Ngắn hạn**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Tĩnh - - - -

Vay ngắn hạn( cá nhân)\* 515.000.000 115.000.000 400.000.000

Sở tài chính \*\* 550.000.000 - - 550.000.000

 **Cộng: 1.065.000.000 - 115.000.000 950.000.000**

(\*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn tại công ty mẹ; theo đó: đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(\*\*)Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Sách - TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.

- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

1. **Vốn chủ sở hữu**
	1. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

 **Vốn góp Vốn khác Quỹ ĐT Quỹ DP Lợi nhuận**

 **của CSH của CSH phát triển tài chính sau thuế chưa PP**

**Số dư tại ngày 01/01/2016 22.310.580.000 637.870.381 557.379.520 - 55.728.868**

Tăng trong kỳ - - - - 184.830.390

Giảm trong kỳ - - - - -

**Số dư tại ngày 31/3/2016 22.310.580.000 637.870.381 543.920.951 - 240.559.258**

* 1. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu 31/3/2016 01/01/2016**

Vốn góp của Công Ty TNHH MTV NBG D Việt nam 11.149.230.000 11.149.230.000

Vốn góp của các cổ đông khác 11.161.350.000 11.161.350.000

* 1. **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu 31/03/2016 01/01/2016**

- Vốn góp đầu kỳ 22.310.580.000 22.310.580.000

- Vốn góp tăng trong kỳ - -

- Vốn góp giảm trong kỳ - -

- Vốn góp cuối kỳ 22.310.580.000 22.310.580.000

**Cổ tức, LN được chia - -**

* 1. **Cổ phiếu 31/3/2016 01/01/2016**

Số lượng CP đăng ký phát hành 2.231.058 2.231.058

Số lượng CP đã bán ra công chúng 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu phổ thông 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu)

Số lượng CP được mua lại( CP quỹ)

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông 2.231.058 2.231.058

- Cổ phiếu ưu đãi( được phân loại là vốn chủ sở hữu) 2.231.058 2.231.058

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

* 1. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 31/3/2016 01/01/2016**

Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang 55.728.868 -1.677.978.105

LN sau thuế TN DN kỳ này 184.830.390 1.733.706.973

 **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ 240.559.258 55.728.868**

1. **Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

****

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/3/2016** | **31/3/2015** |
|   |  **VND**  |  |
|   |  |  |
|  **- Tæng doanh thu** | **3.410.511.986** | **3.598.953.856** |
| **- C¸c kho¸n gi¶m trõ doanh thu** | 2.005.000 | 6.064.903 |
|  + ChiÕt khÊu th­¬ng m¹i |  |  |
|  + hµng tr¶ l¹i  | 2.005.000 | 6.064.903 |
|  **- Doanh thu thuÇn** | **3.408.506.986** | **3.592.888.953** |

1. **Giá vốn hàng bán**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/3/2016** | **31/3/2015** |
|  |  |  |
|  |  |  |
| Gi¸ vèn hàng b¸n | 2.672.354.578 | 2.839.640.984 |
|  |  |  |
| **Céng:** | **2.672.354.578** | **2.839.640.984** |

1. **Doanh thu hoạt động tài chính**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/3/2016** | **31/3/2015** |
|  |  |  |
| L·i tiÒn göi, tiÒn cho vay | 55.808.596 | 19.529.633 |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **C«ng:** | **55.808.596** |  **19.529.633** |  |

1. **Chi phí tài chính**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/3/2016** | **31/3/2015** |
|  |  |  |
| Chi phÝ l·I vay : | - | - |
| Chi phÝ tµi chÝnh kh¸c | 10.880 | 12.959.438 |
|  |  |  |
| **Céng** | **10.880** | **12.959.438** |

1. **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**
	1. **Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ 31/3/2016 31/3/2015**

Chi phí nhân công 106.870.371 90.968.284

Chi phí khấu hao, phân bổ cc dc 88.569.510 48.622.073

Các khoản khác 26.677.666 27.697.419

 **Cộng: 222.117.547 167.287.776**

* 1. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

 **31/3/2016 31/3/2015**

Chi phí nhân công 235.920.316 246.223.274

Chi phí khấu hao, phân bổ cc dc 84.587.447 74.178.833

Các khoản khác 72.965.717 129.352.902

 **Cộng: 393.473.480 449.755.009**

1. **Thu nhập khác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  **31/3/2016**  |  **31/3/2015**  |
|  |  **VND**  | **VND ND**  |
| Thu thanh lý, chuyển nhượng Ts |  | 220.440.069 |
| Thu thanh lý cc, dc |  | 111.038.925 |
| Thu khuyÕn m·i |  | 208.879 |
| C¸c kho¶n thu nhËp kh¸c | 17.409.436 | 28.020.000 |
| **Céng:**  | **17.409.436** | **359.707.873** |

1. **Chi phí khác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  **31/3/2016**  |  **31/3/2015** |
|  |  **VND**  |  **VND**  |
| Thanh lý m¸y mãc thiÕt bÞ, TSản |  | 220.440.069 |
| Thanh lý cc, dc |  | 110.475.457 |
| C¸c kho¶n chi phÝ kh¸c | 464.160 |  |
|  |  |  |
| **Céng** | **464.160** | **330.915.527** |

1. **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

 **Quý I/2016 Quý I N¨m 2015**

**I. Tæng lîi nhuËn kÕ to¸n tr­íc thuÕ 193.304.373 171.567.725**

II. Thuế thu nhập theo quy định 16.947.966 14.026.368

III. Thuế thu nhập được miễn giảm 8.473.983 7.013.184

IV. Chi phÝ thuế thu nhập hiện hành 8.473.983 7.013.184

V. **Lîi nhuËn sau thuÕ thu nhËp DN 184.830.390 164.554.541**

1. **Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

 **Quý I/2016 Quý I/2015**

LN sau thuế TNDN 184.830.390 164.554.541

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN sau TTNDN - -

- Điều chỉnh tăng

- Điều chỉnh giảm

LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông SH CP phổ thông 184.830.390 164.554.541

Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ 2.231.058 2.231.058

**Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu** 83 73

1. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố Quý I/2016 Quý I/2015**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu 358.292.625 451.603.756

Chi phí nhân công 1.091.612.598 1.175.858.294

Chi phí khấu hao TSCĐ 375.229.628 324.873.553

Chi phí dịch vụ mua ngoài 176.700.820 156.660.905

Chi phí bằng tiền khác 174.759.219 269.055.096

 **Tổng cộng: 2.176.594.890 2.378.051.604**

1. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

1. **Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2015. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

###### Quyền Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

**Trần Thị Thu Hà Nguyễn Thị Thu Hằng Hồ Thị Hà**

*Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 4 năm 2016*